



**HỘI KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN THỪA THIÊN HUẾ**  
THUA THIEN HUE SOCIETY OF INFECTION CONTROL

## THỰC TRẠNG NHIỄM KHUẨN BỆNH VIỆN TẠI BỆNH VIỆN QUÂN Y 354



### MỤC ĐÍCH

Đánh giá thực trạng nhiễm khuẩn bệnh viện và những loại nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp, những yếu tố nguy cơ cao gây NKBV tại BVQY 354.

### TÓM TẮT

Hiện nay nhiễm khuẩn bệnh viện đang là vấn đề y tế toàn cầu do làm tăng tỷ lệ mắc bệnh và tử vong, kéo dài ngày nằm viện và tăng chi phí điều trị.



### ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

250 bệnh nhân được điều tra cắt ngang, các phiếu điều tra theo mẫu của Bộ Y tế. Nhóm giám sát gồm các bác sĩ, điều dưỡng khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn và mạng lưới KSNKBV được tập huấn trước khi thực hiện nghiên cứu.

## KẾT QUẢ

- ✓ Tỷ lệ hiện mắc nhiễm khuẩn bệnh viện là 3,2%.
- ✓ Bệnh nhân có can thiệp thủ thuật xâm lấn có nguy cơ cao NKBV.
- ✓ Bệnh nhân có thời gian nằm viện càng dài thì tỷ lệ nhiễm khuẩn bệnh viện càng cao ( $p < 0,05$ ).
- ✓ Tỷ lệ nhiễm khuẩn bệnh viện tăng rõ rệt theo tuổi của bệnh nhân.



# 1

## ĐẶT VẤN ĐỀ

Nhiễm khuẩn bệnh viện (NKBV) là một nhiễm khuẩn toàn thân hoặc tại chỗ mắc phải trong thời gian người bệnh điều trị tại bệnh viện, do vi sinh vật hoặc độc tố gây ra. NKBV xuất hiện sau 48 giờ nhập viện mà không có các dấu hiệu ủ bệnh của một nhiễm khuẩn trước đó có thể được coi là NKBV.

Tại Bệnh viện Quân y 354, công tác kiểm soát nhiễm khuẩn gần đây đã được chú trọng, đầu tư nhiều, nhưng cũng chưa có báo cáo nghiên cứu nào đánh giá chung về tình hình NKBV. Vì vậy chúng tôi thực hiện nghiên cứu này nhằm mục tiêu:



1

Đánh giá thực trạng NKBV tại Bệnh viện QY 354.

2

Nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp và những yếu tố nguy cơ.

## 2

## ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU



## 2.1: ĐỐI TƯỢNG

- Một số khoa trọng tâm, trọng điểm có nguy cơ cao NKBV như: B1, B3, B9, B11, A3, A4, A7, A12.
- Tiêu chuẩn chọn bệnh nhân: Những bệnh nhân nhập viện sau 48 giờ, kể cả bệnh nhân xuất viện, chuyển viện, chuyển khoa trong ngày điều tra.
- Tiêu chuẩn loại trừ: Những bệnh nhân có nhiễm khuẩn trước 48 giờ sau khi nhập viện.

## 2.2: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Giám sát mô tả cắt ngang từ ngày 09 đến 11/4/2023.

### 2.2.1: PHƯƠNG PHÁP TIẾN HÀNH



- Thành lập tổ điều tra, huấn luyện, phân công nhiệm vụ
- Lập danh sách bệnh nhân đủ tiêu chuẩn điều tra.
- Phát, tích vào phiếu điều tra NKBV, thông qua hồ sơ bệnh án.
- Căn cứ vào tiêu chuẩn chẩn đoán NKBV.
- Dựa vào quy trình xác định ca bệnh NKBV.
- Tổng hợp, phân tích số liệu điều tra, báo cáo kết quả.

## 2.2.2: CÁC CHỈ TIÊU NGHIÊN CỨU



### TỶ LỆ HIỆN MẮC NKBV

- Các NK thường gặp: Nhiễm khuẩn vết mổ (NKVM), viêm phổi bệnh viện (VPBV), nhiễm khuẩn tiết niệu (NKTN).
- Nhiễm khuẩn theo khu vực chăm sóc điều trị.
- Số ngày bệnh nhân nằm điều trị trung bình kể từ khi nhập viện đến ngày điều tra.

### CÁC YẾU TỐ NGUY CƠ LIÊN QUAN ĐẾN NKBV

- Giới tính, tuổi.
- Thời gian nằm viện.
- Các phẫu thuật, thủ thuật can thiệp.



## 2.2.3: XỬ LÝ SỐ LIỆU

Bằng phần mềm thống kê SPSS 20.5.

# 3

## KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 3.1: ĐẶC ĐIỂM CHUNG



Qua điều tra tổng số là 250 bệnh nhân trong đó:

- BN nam 132 chiếm 52,8%.
- BN nữ 118 chiếm 47,2%.
- BN cao tuổi nhất 95, nhỏ tuổi nhất 18, bệnh đi kèm thường gặp như tim mạch, tăng huyết áp, đái tháo đường, hô hấp mãn tính...

### 3.2: TỶ LỆ NKBV VÀ MỘT SỐ NGUY CƠ LIÊN QUAN ĐẾN NKBV

Bảng 1: Tỷ lệ hiện mắc NKBV

| Tổng số bệnh nhân | Số BN mắc NKBV | Tỷ lệ (%) |
|-------------------|----------------|-----------|
| n = 250           | 08             | 3,2       |

Nhận xét:

- Tỷ lệ hiện mắc NKBV là 3,2%.

### 3.2: TỶ LỆ NKBV VÀ MỘT SỐ NGUY CƠ LIÊN QUAN ĐẾN NKBV

Bảng 2: Cơ cấu của tỷ lệ NKBV

| Các loại NKBV                      | BN NKBV<br>(n=08) | Tỷ lệ (%) |
|------------------------------------|-------------------|-----------|
| Nhiễm khuẩn vết mổ (NKVM)          | 03                | 37,5      |
| Viêm phổi bệnh viện (VPBV)         | 04                | 50        |
| Nhiễm khuẩn đường tiết niệu (NKTN) | 01                | 12,5      |

Nhận xét:

- NK hô hấp chiếm tỷ lệ cao nhất 50%
- NK vết mổ 37,5%
- NK tiết niệu thấp nhất 12,5%.

Bảng 3: Tỷ lệ NKBV theo khu vực điều trị

| Khoa/ Số BN            | Số BNNK (n) | Tỷ lệ (%) |
|------------------------|-------------|-----------|
| Hồi sức cấp cứu n= 24  | 03          | 12,5      |
| Truyền nhiễm n=40      | 01          | 2,5       |
| Ngoại chấn thương n=40 | 01          | 2,5       |
| Ngoại chung n=35       | 01          | 2,8       |
| Sân n=30               | 01          | 3,3       |
| Tai mũi họng n= 21     | 01          | 4,8       |

### 3.2: TỶ LỆ NKBV VÀ MỘT SỐ NGUY CƠ LIÊN QUAN ĐẾN NKBV

Nhận xét:

- Khu vực hồi sức cấp cứu chiếm tỷ lệ bị NKBV là 12,5% cao hơn các khu vực khác.

Bảng 4: Liên quan giữa NKBV và thời gian nằm viện

| Ngày nằm viện | Không NKBV |           | Có NKBV |           |
|---------------|------------|-----------|---------|-----------|
|               | Số BN      | Tỷ lệ (%) | Số BN   | Tỷ lệ (%) |
| < 7 (n= 107)  | 107        | 100       | 00      | 00        |
| 7- 14 (n=109) | 106        | 97,25     | 03      | 2,75      |
| > 14 (n=34)   | 29         | 85,3      | 05      | 14,7      |
| Tổng (n= 250) | 242        | 96,8      | 08      | 3,2       |

### 3.3: CÁC YẾU TỐ NGUY CƠ LIÊN QUAN ĐẾN NKBV

Nhận xét:

- BN có thời gian nằm viện càng dài tỷ lệ NKBV càng cao ( $p<0,05$ ).



### 3.3: CÁC YẾU TỐ NGUY CƠ LIÊN QUAN ĐẾN NKBV

Bảng 5: Liên quan giữa NKBV đến tuổi, giới tính

| Giới tính tuổi | Không NKBV (n) | NKBV (n) | Tỷ lệ (%) |
|----------------|----------------|----------|-----------|
| Nam (n=132)    | 127            | 05       | 2,0       |
| Nữ (n=118)     | 115            | 03       | 1,2       |
| < 40 (n=58)    | 57             | 01       | 1,7       |
| 40- 60 (n=83)  | 81             | 02       | 2,4       |
| > 60 (n=109)   | 104            | 05       | 4,6       |
| Cộng (n=250)   | 242            | 08       | 3,2       |

Nhận xét:

- BN nam có tỷ lệ NKBV cao hơn BN nữ nhưng không rõ rệt ( $p>0,05$ ). Tỷ lệ NKBV tăng rõ rệt theo độ tuổi của BN ( $p<0,05$ ).

### 3.3: CÁC YẾU TỐ NGUY CƠ LIÊN QUAN ĐẾN NKBV

Bảng 6: NKBV liên quan đến các thủ thuật xâm lấn

| Thủ thuật xâm lấn     | Không NKBV |      | NKBV(n=8) |      |
|-----------------------|------------|------|-----------|------|
|                       | Số ca      | %    | Số ca     | %    |
| Đặt sond tiêu(n=46)   | 38         | 82,6 | 08        | 17,4 |
| Đặt NKQ(n=8)          | 05         | 62,5 | 03        | 37,5 |
| Thở máy (n=4)         | 02         | 50   | 02        | 50   |
| Mở KQ(n= 08)          | 04         | 50   | 04        | 50   |
| Đặt sond dạ dày(n=12) | 08         | 66,7 | 04        | 33,3 |
| Truyền TMNV(n=123)    | 115        | 93,5 | 08        | 6,5  |
| Đặt Catheter(n=09)    | 07         | 77,8 | 02        | 22,2 |

Nhận xét:

- Kết quả cho thấy BN có mở KQ và thở máy có tỷ lệ NKBV cao nhất cùng là 50%.

# 4

## BÀN LUẬN

### 4.1: TỶ LỆ HIỆN MẮC NKBV

1

Qua Bảng 1 cho thấy trong số 250 bệnh nhân được điều tra có 08 bệnh nhân mắc NKBV tỷ lệ là 3,2%. Hiện nay Bệnh viện QY 354 đã được xây dựng khang trang sạch sẽ, công tác KSNK được nâng cao, khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn thường xuyên giám sát kiểm tra định kỳ và đột xuất các khoa, tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn: quy trình vệ sinh tay, quy trình tiệt khuẩn dụng cụ y tế... Kết quả cho thấy tỷ lệ NKBV của chúng tôi thấp hơn nghiên cứu của Đinh Vạn Trung tại Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 (3,86%) năm 2015- 2016.

2

Về cơ cấu của NKBV, kết quả nghiên cứu của chúng tôi ở Bảng 2 cho thấy, NKHH chiếm tỷ lệ cao nhất 50%, NKVM 37,5%, NKTN là 12,5%. Theo kết quả điều tra của Phạm Lê Tuấn, Nguyễn Việt Hùng, Trương Anh Thư tại một số bệnh viện khu vực phía Bắc năm 2006- 2007 thì tỷ lệ NKHH có tỷ lệ lần lượt là 36,5% và 37,7%. Như vậy NKHH trong nghiên cứu của chúng tôi có tỷ lệ cao hơn với các nghiên cứu của các tác giả. Nguyên nhân có thể do bệnh nhân lớn tuổi bị bệnh đường hô hấp mạn tính, sức đề kháng giảm, thời gian nằm điều trị kéo dài, chăm sóc nuôi dưỡng chưa được tốt, nguồn không khí tại đó chưa đạt...

3

NKBV theo khu vực điều trị, qua Bảng 3, cho thấy khoa Hồi sức cấp cứu có tỷ lệ NKBV cao nhất (12,5%). Khoa Hồi sức cấp cứu là nơi phải tiếp nhận và điều trị những bệnh nhân nặng, nằm lâu, có nhiều bệnh kèm theo và can thiệp nhiều thủ thuật xâm lấn do đó nguy cơ mắc NKBV cao hơn khoa khác. Qua kết quả nghiên cứu của Huỳnh Thị Vân tại bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định (2011) cho thấy khoa Hồi sức cấp cứu có tỷ lệ NKBV cao nhất (17,1%).

## 4.2: MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN ĐẾN NKBV

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi ở Bảng 4 cho thấy, bệnh nhân NKBV có thời gian nằm viện dài hơn bệnh nhân không NKBV là 14 ngày, BN có thời gian nằm viện càng dài tỷ lệ NKBV càng cao ( $p < 0,05$ ). Bệnh nhân nằm viện dài ngày có nguy cơ tiếp xúc với các yếu tố gây NKBV, chịu nhiều can thiệp thủ thuật xâm lấn, thêm vào đó những bệnh nhân này thường là những bệnh nhân nặng mang nhiều bệnh phối hợp, khả năng đề kháng vi khuẩn.

Qua bảng 5 thấy rằng, BN nam có tỷ lệ NKBV cao hơn BN nữ nhưng không rõ rệt ( $p > 0,05$ ). Tỷ lệ NKBV tăng rõ rệt theo độ tuổi của BN ( $p < 0,05$ ), tỷ lệ NKBV xảy ra cao nhất ở nhóm tuổi  $> 60$  (2%).

Nghiên cứu của chúng tôi cũng phù hợp với nghiên cứu của Đinh Vạn Trung tại Bệnh viện TWQĐ108, do bệnh nhân lớn tuổi thường có sức đề kháng kém, nhiều bệnh mãn tính kèm theo như tăng huyết áp, đái tháo đường, hô hấp.

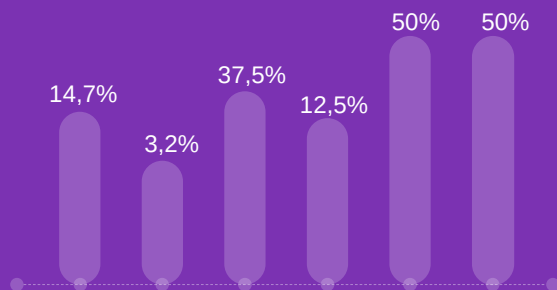
Trên bệnh nhân có thủ thuật xâm lấn nguy cơ NKBV cao hơn bệnh nhân không có thủ thuật xâm lấn.

NKBV thực sự gia tăng khi thời gian lưu càng dài nguy cơ càng cao. Vì vậy trong các khuyến cáo về phòng ngừa NKBV đều nhấn mạnh hạn chế tối đa thủ thuật xâm lấn, bảo đảm kỹ thuật và cách chăm sóc đúng sẽ góp phần làm giảm nguy cơ NKBV.

# 5

## KẾT LUẬN

Nghiên cứu cắt ngang trên 250 bệnh nhân đang điều trị tại một số khoa có nguy cơ cao NKBV từ ngày 09 đến 11/4/ 2023, chúng tôi có kết luận sau:



- Tỷ lệ hiện mắc NKBV là 3,2%.
- Loại NKBV: VPBV chiếm tỷ lệ cao nhất với 50% tiếp theo là NKVM 37,5% , NKTN 12,5%.
- Tỷ lệ NKBV tại khoa Hồi sức cấp cứu cao nhất 12,5%. Bệnh nhân mở KQ và thở máy NK cao nhất cũng là 50%.
- BN có thời gian nằm viện càng dài tỷ lệ NKBV càng cao ( $p < 0,05$ ), nếu nằm viện trên 14 ngày, tỷ lệ NKBV có thể tới 14,7%.
- Tỷ lệ NKBV tăng rõ rệt theo độ tuổi của bệnh nhân ( $p < 0,05$ ).

# CẢM ƠN QUÝ VỊ ĐÃ LẮNG NGHE!

Thượng tá, Bs Bùi Kim Quế- Trưởng khoa KSNK  
 Bệnh viện Quân Y 354- TCHC- BQP  
 Số ĐT: 091.207.1188  
 Email: kimbui1216@gmail.com